

Bản án số: 77/2023/HS-PT
Ngày : 18-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Tài

Ông Hoàng Ngọc Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Nhuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên

Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thế T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thế T** (tên gọi khác là Cọp A); sinh ngày 19/11/1985 tại thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ B, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953, có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983 và có 02 người con; lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2021 đến ngày 16/02/2022 được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Thị L1** (tên gọi khác là Năm T1), sinh năm 1981 tại huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 03/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nữ, tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh C, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Dương

Thị N1, sinh năm 1944; có chồng là Huỳnh Thanh T2, sinh năm 1972 và có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2021 đến ngày 25/3/2022 được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Huỳnh Thị Mỹ P**, sinh năm 1970 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ, tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn B1, sinh năm 1939 và bà Phạm Thị Ly N2, sinh năm 1945; có chồng là Phạm Duyên Linh B2, sinh năm 1974 và có 02 người con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1998.

- Tiền sự: ngày 28/01/2021 bị Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “*Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu*”;

- Tiền án: không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2021 đến ngày 25/3/2022 được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Thị L1: Ông Lại Văn G là Luật sư của Công ty L2 thuộc đoàn Luật sư tỉnh A; Địa chỉ: số C đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Chau Phai Ly Đ1 – Phát Thanh viên tiếng Khmer Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh A (có mặt)

(Trong vụ án còn có các bị cáo Lê Phước Đ2, Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S và Trần Văn T3 không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 18/8/2021, tại khu vực tổ A, ấp M, xã V, huyện T, Tổ công tác Liên ngành tuần tra kiểm soát phát hiện Lê Phước Đ2 điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 67C-100.61 chạy hướng từ Rừng tràm T có biểu hiện nghi vấn, liền ra tín hiệu dừng phương tiện kiểm tra, thì Đ2 điều khiển xe lao xuống cặp mé kênh, rồi để lại xe và bỏ chạy. Tổ công tác kiểm tra xe 67C-100.61 phát hiện trên xe có 5.960 bao thuốc lá (gồm 3.970 bao thuốc hiệu Hero và 1.990 bao thuốc hiệu Jet) được cất bên trong 04 thùng xốp mút nên lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, xác định: Khoảng 08 giờ ngày 17/8/2021, Thị L1 điện thoại cho Trần Thế T hỏi mua thuốc lá điều nhập lậu bán lại kiếm lời với giá 207.000 đồng/một cây thuốc hiệu Hero (10 bao) và 237.000 đồng/một cây thuốc hiệu Jet (10 bao), rồi thỏa thuận với T bán bao nhiêu thuốc lá L1 mua bấy nhiêu và sau khi bán được thuốc lá thì trả tiền. Sau đó, L1 đến nhà Huỳnh Thị Mỹ P

cho biết đã mua được thuốc lá, vì P và L1 hùn mua bán thuốc lá với nhau để kiếm lời. Lúc này, P và L1 thống nhất thuê Đ2 vận chuyển thuốc lá với giá 300.000 đồng, do Đ2 trước đó đã từng vận chuyển thuốc lá cho L1 và P.

Đến khoảng 16 giờ 10 phút ngày 17/8/2021, L1 gọi điện thoại kêu Đ2 đi thuê xe để vận chuyển thuốc lá và tự liên hệ với T về thời gian, địa điểm giao nhận thuốc lá, Đ2 liền đến nhà P lấy xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ đen, không rõ biển số của P điều khiển đến nhà ông Nguyễn Ngọc T4 thuê xe 67C-100.61 với số tiền 300.000 đồng. Thuê xe xong, Đ2 gọi điện thoại cho T và được T cho biết điểm giao nhận thuốc lá tại bãi giữ xe của khu du lịch Rừng tràm T (thuộc xã V, huyện T). Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, Đ2 điều khiển xe 67C-100.61 đến điểm hẹn.

Cùng lúc này, T gọi điện thoại thuê Đỗ Văn H đến khu vực cầu K, xã V, thành phố C; C đến khu vực cầu S, ấp B, xã V, thành phố C; Nguyễn Thanh S đến khu vực cống kênh G, xã V, thành phố C; còn Trần Văn T3 cùng với T đến khu vực cầu S, gần Công an xã V, thành phố C để canh đường; khi phát hiện cơ quan chức năng tuần tra, kiểm soát thì thông báo cho T biết với giá mỗi người 200.000 đồng. Đồng thời, T thuê Cao Trung N3, Nguyễn Văn T5, Dương Văn T6 và Cao Bình P1 dùng xe mô tô vận chuyển thuốc lá đến giao cho Đ2 tại bãi giữ xe khu du lịch Rừng tràm T với số tiền 250.000 đồng/một người/một chuyến.

Đến khoảng 01 giờ ngày 18/8/2021, T đến tại khu vực tỉnh lộ 955A, Đập tràn T, thuộc ấp Đ, xã N, huyện T lần lượt số lượng thuốc lá của một người đàn ông dân tộc khmer (không biết tên địa chỉ) vận chuyển bằng xuồng máy từ Campuchia đến giao thuốc lá mỗi chuyến có số lượng 1.490 bao thuốc lá vừa thuốc Hero và J. Sau khi nhận thuốc lá, T lần lượt điện thoại cho N3, T5, T6 và P1 điều khiển xe mô tô đến địa điểm trên chở 1.490 bao thuốc lá đến giao cho Đ2. Đồng thời, T gọi điện thoại cho Đ2 biết thuốc lá đang vận chuyển đến.

Sau khi nhận, Đại gấu 5.960 bao thuốc lá vào trong 04 thùng xốp mút được chuẩn bị sẵn và điều khiển xe chạy về thì bị phát hiện. Đến ngày 27/08/2021, Đ2 ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSTB ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Trần Thế T, T, Huỳnh Thị Mỹ P, Lê Phước Đ2, Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S và Trần Văn T3 về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố các bị cáo: Trần Thế T, T, Huỳnh Thị Mỹ P, Lê Phước Đ2, Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S và Trần Văn T3 phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Áp dụng:

- Điểm b khoản 3 Điều 190; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Trần Thế T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Thị L1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thị Mỹ P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Lê Phước Đ2 07 (bảy) năm tù.

- Điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Văn H 06 (sáu) năm tù.

Xử phạt: bị cáo Cao Quốc Đ3 06 (sáu) năm tù.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh S 06 (sáu) năm tù.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T3 06 (sáu) năm tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần xử vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 18/01/2023, các bị cáo Huỳnh Thị Mỹ P và Thị L1 cùng có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ lại để điều tra bổ sung.

- Ngày 30/01/2023 bị cáo Trần Thế T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo Trần Thế T, Thị L1 và Huỳnh Thị Mỹ P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo đều thừa nhận trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra không ép cung, không nhục hình đối với các bị cáo.

Bị cáo Trần Thế T trình bày: Bản thân bị cáo bị bệnh, là lao động chính nuôi cha mẹ già, con còn nhỏ; bị cáo chỉ vận chuyển 1.490 bao thuốc lá cho người Campuchia; đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Thị L1 trình bày: Bị cáo chỉ đặt mua của T 1.490 gói thuốc lá chứ không phải đặt 5.960 bao thuốc lá, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh Thị Mỹ P trình bày: Bị cáo chỉ hùn 10.000.000 đồng với Thị L1 để mua 1.490 bao thuốc lá, khi nào bán xong thì L1 sẽ chia tiền lời cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ lời khai của các bị cáo Thị L1, Mỹ P, Phước Đ2 và các bị cáo khác trong vụ án; công văn trả lời của Công ty V chi nhánh A1 về nhật ký cuộc gọi cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ kết luận: Ngày 18/8/2021 Trần Thế T, T, Huỳnh Thị Mỹ P, Lê Phước Đ2, Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S và Trần Văn T3 đã có hành vi buôn bán 5.960 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 3.970 bao hiệu Hero và 1990 bao hiệu Jet). Tòa án nhân dân huyện T xét xử các bị cáo về tội “*Buôn bán hàng cấm*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt các bị cáo với mức hình phạt phù hợp, tương xứng tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới, tại phiên tòa bị cáo thay đổi kháng cáo kêu oan chỉ phạm tội vận chuyển 1.490 bao thuốc lá không phạm tội buôn bán; các bị cáo Thị L1, Mỹ P kháng cáo kêu oan và cho rằng chỉ đặt mua 1.490 bao thuốc lá điều nhập lậu. Nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm hôm nay các bị cáo Trần Thế T, Thị L1, Huỳnh Thị Mỹ P khai nại chỉ nhằm né tránh trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Lại Văn G là người bào chữa cho bị cáo Thị L1 có ý kiến trình bày: Theo đơn kháng cáo, bị cáo cho rằng bị cáo bị oan và luật sư nhận thấy như sau: Thứ nhất, theo hồ sơ vụ án thể hiện việc mua bán, giao dịch thuốc lá giữa bị cáo T và bị cáo Đ2 chứ L1 không biết địa điểm, thời gian giao dịch. Những lần trước đây có đặt mua thuốc lá tại Cầu S, tuy nhiên chuyến này Đ2 lại chạy xe lên Rừng tràm T để nhận, L1 không biết. Thứ hai, khi bị phát hiện, Đ2 đã bỏ xe bỏ chạy nhưng cơ quan điều tra không làm rõ việc L1 đã mua bao nhiêu thuốc lá hay số thuốc lá này do Đại tự mua thêm. Còn về lời khai việc thuê xe, có lúc Đ2 khai P kêu thuê, có lúc khai L1 kêu thuê. Ngoài ra, bị cáo L1 là người Khơme nhưng cơ quan tiến hành tố tụng không trưng cầu phiên dịch ngay từ đầu; lời khai của bị cáo L1 có nhiều mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo khác nhưng chưa được đối chất làm rõ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Các bị cáo Trần Thế T, Thị L1 và Huỳnh Thị Mỹ P kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận đề xét xử phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Trong giai đoạn điều tra và quá trình xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Phước Đ2, Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S và Trần Văn T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Riêng các bị cáo Trần Thế T, Thị L1 và Huỳnh Thị Mỹ P thì khai nhận rất qua loa, không thừa nhận hành vi phạm tội, đổ trút trách nhiệm cho nhau nhằm để trốn tránh trách nhiệm của bản thân. Nhưng với các chứng cứ sau đây đã chứng minh hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[2.1] Đối với bị cáo Trần Thế T:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cho rằng không phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*” mà chỉ phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo lại cho rằng chỉ vận chuyển thuê 1.490 bao thuốc lá điều nhập lậu cho một người đàn ông Khomer tình cờ quen biết lần đầu, không rõ họ, tên. Tuy nhiên, liên quan đến hành vi của Trần Thế T còn có các lời khai của những đồng phạm khác như Lê Phước Đ2, Thị L1 và Huỳnh Thị Mỹ P (tại các bút lục 804, 861 – 864, 927 – 929, 937) cũng như nhật ký các cuộc gọi giữa số điện thoại của Trần Thế T (0862.611.040) với số điện thoại của Thị L1 (0969.486.820) và với số điện thoại của P (0763.223.753). Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, mặc dù T và Mỹ P khai nhận chỉ mua 1.490 bao thuốc lá điều nhập lậu nhưng cả hai bị cáo đều thống nhất khẳng định Thế T chính là người đã bán thuốc lá điều nhập lậu cho các bị cáo. Điều này đã thể hiện Trần Thế T là người chủ mưu liên hệ mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu rồi thỏa thuận bán lại Thị Lia kiếm lời. Đồng thời, chính bị cáo là người phân công cho các bị cáo Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S, Trần Văn T3 thực hiện canh giới (canh đường) và thuê các đối tượng Cao Trung N3, Nguyễn Văn T5, Dương Văn T6 cùng Cao Bình P1 dùng xe mô tô để vận chuyển thuốc lá - mỗi chuyến vận chuyển 1.490 bao thuốc lá - đến giao trực tiếp cho Đại đế Đ2 vận chuyển về cho Thị L1 và Mỹ P.

[2.2] Đối với bị cáo Thị L1:

[2.2.1] Về hành vi buôn bán hàng cấm của bị cáo Thị L1:

Trong quá trình điều tra, tại các biên bản lấy lời khai, bị cáo Thị L1 đã thừa nhận toàn bộ số lượng 5.960 bao thuốc lá điều nhập lậu do Cơ quan chức năng thu giữ ngày 18/8/2021 là của bị cáo Thị L1 và Mỹ P hùn tiền mua của bị cáo Thế T để bán lại kiếm lời. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Thị L1 chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội; bị cáo cho rằng ngày 17-18/8/2021 chỉ liên hệ đặt mua của Thế T số lượng thuốc lá là 01 chuyến vận chuyển bằng xe mô tô với số lượng 1.490 bao thuốc chứ không thừa nhận đặt mua với số lượng 5.960 bao thuốc lá. Bị cáo khai nài rằng tại Cơ quan điều tra do bị cáo không hiểu pháp luật, điều tra viên kêu bị cáo thừa nhận có mua toàn bộ số lượng 5.960 bao thuốc nhập lậu nên bị cáo đã khai nhận nhưng bị cáo lại không cung cấp được các căn cứ chứng minh đã bị ép cung, dùng nhục hình. Đồng thời, theo Biên bản lấy lời khai ngày 23/03/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh A, có sự tham gia của người phiên dịch ông Chau Chanh

K - Phó Trưởng phòng Quản lý biên giới thuộc Sở ngoại vụ tỉnh A cũng như sự tham gia của Luật sư Lại Văn G là người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo (tại bút lục 804), bị cáo L1 cũng đã thừa nhận có mua toàn bộ số lượng 5.960 bao thuốc nhập lậu của Thế T. Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với các lời khai của những đồng phạm khác như Lê Phước Đ2 và Huỳnh Thị Mỹ P (tại các bút lục 794 – 795, 800 – 804, 861 – 864, 927 – 929, 937) cũng như nhật ký các cuộc gọi giữa số điện thoại của T (0969.486.820) với số điện thoại của Trần Thế T (0862.611.040), với số điện thoại của P (0763.223.753). Điều này đã thể hiện bị cáo Thị L1 cùng với Mỹ P đã thỏa thuận hùn hạp, chuẩn bị phương tiện, thuê bị cáo Đ2 đi nhận, vận chuyển thuốc về giao cho P và chính L1 là người trực tiếp liên lạc đặt mua, thanh toán tiền mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu với bị cáo T, thanh toán tiền công vận chuyển cho Đ2 rồi chủ động phân chia số tiền lời kiếm được với bị cáo Mỹ P.

[2.2.2] Về việc Luật sư cho rằng bị cáo là người Khome nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra không giải thích và không có người phiên dịch cho bị cáo trong lúc lấy lời khai, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cơ quan tiến hành tố tụng đã có trưng cầu người phiên dịch cho bị cáo Thị L1 theo Quyết định trưng cầu người phiên dịch số 05 ngày 14/02/2022. Mặt khác, tại Cơ quan tiến hành tố tụng bị cáo Thị L1 cho biết mặc dù bị cáo là người dân tộc Khomer nhưng đã được học đến lớp 3, bị cáo nghe được, nói được tiếng Việt; trong các biên bản lấy lời khai tại Cơ quan điều tra, trước khi ký tên bị cáo Thị L1 đã tự viết câu *“tôi có nghe đọc lại nội dung biên bản đúng như tôi đã khai”* và tự ký tên, ghi rõ họ tên. Đồng thời, quá trình diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù có sự tham gia của người phiên dịch tuy nhiên bị cáo Thị L1 vẫn nghe, nói tiếng Việt thông thạo mà không cần thông qua người phiên dịch. Như vậy, cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng như Luật sư Lại Văn G đã trình bày.

[2.3] Đối với bị cáo Huỳnh Thị Mỹ P

Bị cáo kháng cáo kêu oan, cho rằng không có đặt mua thuốc lá, không hùn vốn cùng với Thị L1 mua thuốc lá, bị cáo chỉ là người tiêu thụ bán lại nếu thuốc lá được vận chuyển đến xã B, huyện C. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo lại thừa nhận có hùn 10.000.000 đồng với Thị L1 để mua 1.490 bao thuốc lá, khi nào bán xong thì L1 sẽ chia tiền lời cho bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của chính bị cáo Mỹ P trong quá trình điều tra và các lời khai của những đồng phạm khác như Lê Phước Đ2, T (tại các bút lục 794 – 795, 800 – 804, 861 – 864, 929 – 929, 937) cũng như nhật ký các cuộc gọi giữa số điện thoại của bị cáo (0968.963.920) với số điện thoại của Thị L1 (0969.486.820), với số điện thoại của P (0763.223.753) vào ngày 17, 18/8/2021 - tại thời điểm trước và ngay sau khi xảy ra vụ án. Như vậy, đủ cơ sở để chứng minh bị cáo cùng với Thị L1, cả hai bị cáo đã thỏa thuận hùn hạp cùng nhau mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu về bán lại kiếm lời; chuẩn bị phương tiện; thuê bị cáo Đ2 trực tiếp nhận, vận chuyển về giao cho bị cáo Mỹ P phân lẻ bán lại cho các đối tượng khác.

[2.4] Từ các chứng cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ ngày 18/8/2021, tại khu vực tổ A, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, Tổ công tác liên ngành phát hiện Lê Phước Đ2 điều khiển xe ô tô biển số 67C-100.61 bên trong chứa 5.960 bao thuốc lá (gồm 3.970 bao thuốc hiệu Hero và 1.990 bao thuốc hiệu Jet) do Trần Thế T bán cho Thị L1 và Huỳnh Thị Mỹ P. Và T đã thuê Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S, Trần Văn T3 thực hiện canh giới (canh đường) và thuê Cao Trung N3, Nguyễn Văn T5, Dương Văn T6 cùng Cao Bình P1 dùng xe mô tô mỗi chuyến vận chuyển 1.490 bao thuốc lá đến giao trực tiếp cho Đại đội Đại vận chuyển về bàn giao cho L1 và P.

Hành vi của các bị cáo không chỉ làm thiệt hại đến nền kinh tế đất nước mà còn xâm hại đến trật tự xã hội, xâm phạm đến an ninh đối nội, đối ngoại, những quy định về xuất, nhập khẩu dẫn đến hậu quả Nhà nước không kiểm soát được hàng hóa nhập khẩu, gây thất thoát thuế xuất nhập khẩu của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của người tiêu dùng. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Trần Thế T, T, Huỳnh Thị Mỹ P, Lê Phước Đ2, Đỗ Văn H, Cao Quốc Đ3, Nguyễn Thanh S và Trần Văn T3 tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm cũng đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, khi quyết định hình phạt đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Trần Thế T 09 năm 06 tháng tù, bị cáo Thị L1 08 năm 06 tháng tù và bị cáo Huỳnh Thị Mỹ P 08 năm 06 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo.

[2.5] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của các bị cáo Trần Thế T, Thị L1 và Huỳnh Thị Mỹ P không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Đối với:

- Các đối tượng Cao Trung N3, Nguyễn Văn T5, Dương Văn T6 và Cao Bình P1 có hành vi vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu thuê cho bị cáo Trần Thế T. Tuy nhiên, N3, T5, T6 và P1 chỉ sử dụng xe mô tô vận chuyển một chuyến với số lượng 1.490 bao, không có sự bàn bạc, thống nhất trước với nhau và thực hiện hành vi theo sự chỉ dẫn của bị cáo T. Mặt khác, các đối tượng này chưa có tiền án, tiền sự nên không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi “*Buôn bán hàng cấm*” theo quy định tại Điều 190 và hành vi “*Vận chuyển hàng cấm*” theo quy định tại Điều 191 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T chuyển xử phạt vi phạm hành chính đối với N3, T5, T6 và P1 là có căn cứ.

- Nguyễn Ngọc T4, Lê Thị Trúc P2 khi cho bị cáo Đ2 thuê xe ô tô nhưng không biết Đ2 sử dụng vào việc phạm tội; Phạm Duyên Linh B2 (chồng của bị cáo P), Huỳnh Thanh T2 (chồng của bị cáo L1) không biết việc P, L1 buôn bán thuốc lá điều nhập lậu. Cho nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

- Người đàn ông Campuchia giao thuốc lá điều nhập lậu cho bị cáo T, do không biết họ tên, địa chỉ và đang sinh sống tại Campuchia nên chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có cơ sở.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Thế T, Thị L1 và Huỳnh Thị Mỹ P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thế T (Cọp A), Thị L1 (N) và Huỳnh Thị Mỹ P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trần Thế T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, có khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/08/2021 đến ngày 16/02/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Thị L1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, có khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/08/2021 đến ngày 25/03/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thị Mỹ P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, có khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/08/2021 đến ngày 25/03/2022.

Các bị cáo Trần Thế T (Cọc A), Thị L1 (N) và Huỳnh Thị Mỹ P – mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân thị xã T;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã T;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã T;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Văn phòng;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa Hình sự; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng